

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **159/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/6/2017

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Ngọc Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Huỳnh Thị Châu**

2. Bà Huỳnh Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: **Ông Phạm Việt Dũng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thủy Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 347/2016/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2016; Về việc: “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2017/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thu T – sinh năm: 1992**

Địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Hữu T – sinh năm: 1992**

Địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2016, bản tư khai 08/12/2016, các biên bản lấy lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh T quen biết nhau được 06 năm thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 26 tháng 3 năm 2014, việc đăng ký kết hôn giữa anh T và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn thì chị T và anh T chung sống với mẹ chồng tại ấp T, xã X, huyện T. Trong quá trình chung sống thì giữa chị T và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân giữa chị và anh T ít có thời gian ngồi nói chuyện với nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không quan tâm, chia

sẽ với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Anh T bắt đầu không lo làm ăn, suốt ngày tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, chơi bời, bỏ bê gia đình không lo cho vợ con. Ngoài ra anh T còn có tính ghen tuông vô cớ, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và xảy ra cãi vã nhiều hơn, vợ chồng thường xuyên xúc phạm danh dự lẫn nhau, trong một lần cãi nhau thì anh T đã đánh chị T (việc anh T đánh chị T không để lại thương tích gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết). Mâu thuẫn giữa chị T và anh T thì cả gia đình hai bên đều biết nhưng vẫn không hòa giải được, mâu thuẫn cứ kéo dài làm cho chị cảm thấy bế tắc trong cuộc sống hôn nhân. Đến ngày 30/4/2016, do cảm thấy không thể chung sống với anh T được nữa nên chị T đã đưa hai đứa con và đồ đạc cá nhân về nhà mẹ ruột của chị để sinh sống. Từ khi không còn chung sống cho đến nay thì giữa chị T và anh T chỉ gặp nhau được 02 lần, anh T cũng không có biểu hiện gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, giữa chị và anh T đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai.

Nay chị T nhận thấy tình cảm của chị đối với anh Nguyễn Hữu T đã hết, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Theo chị T, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn K1 – sinh ngày: 07/6/2014, Nguyễn K2 – sinh ngày 16/6/2015.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các cháu Nguyễn K1 và Nguyễn K2. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị, vì theo chị T thì chị đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống cho các con chung.

Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/4/2017 trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Anh T thừa nhận, về quan hệ hôn nhân anh và chị T quen biết nhau khoảng 06 năm thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 26/3/2014, việc đăng ký kết hôn giữa anh T và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn thì anh T và chị T chung sống với mẹ ruột của anh tại ấp T, xã X, huyện T. Theo anh T, trong quá trình chung sống thì giữa anh và chị T không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Do đầu năm 2016, anh T bị bệnh nên anh phải nghỉ việc không có thu nhập, chị T không thông cảm mà xem anh là gánh nặng cho chị T. Đến cuối tháng 4 năm 2016, giữa anh T và chị T không xảy ra mâu thuẫn gì cả nhưng chị T đã tự ý dọn hết đồ đạc cá nhân và đưa hai con về nhà mẹ ruột của chị T để sinh sống mà không thông báo gì cho anh T biết. Từ khi chị T về nhà mẹ ruột để sinh sống cho đến nay thì giữa chị T và anh T rất ít khi gặp nhau. Theo anh T mâu thuẫn giữa anh và chị T vẫn chưa được gia đình hai bên hòa giải và bản thân anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên từ đó đến nay giữa anh T với chị T mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị T xin ly hôn thì anh T không đồng ý, vì anh T vẫn còn thương yêu vợ con, anh T đề nghị Tòa án hòa giải để anh và chị T được đoàn tụ.

Về con chung: anh T thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn K1 – sinh ngày: 07/6/2014, Nguyễn K2 – sinh ngày 16/6/2015. Hiện nay các con chung đang sinh sống cùng với chị T.

Trường hợp Tòa án xét xử cho ly hôn, anh T đồng ý giao các con chung là các cháu Nguyễn K1 và Nguyễn K2 cho chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T vì hiện nay anh không có công việc ổn định, thu nhập bấp bênh.

Về chia tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng anh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng anh T đều vắng mặt nên xét xử vắng mặt anh T.

- Về nội dung vụ án: Chị T và anh T đều tự nguyện kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định nên quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T là hợp pháp. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị T và anh T được ly hôn.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử giao các con chung Nguyễn K1, Nguyễn K2 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Thu T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân:*

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thì thấy: quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định (BL 02). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Từ khi bắt đầu sống chung thì giữa chị và anh T đã không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân giữa anh T và chị T không đồng quan điểm nên rất ít khi tâm sự, trò chuyện với nhau. Ngoài ra, anh T không lo làm ăn, bỏ bê gia đình, anh T còn có tính ghen tuông vô cớ làm cho vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự lẫn nhau. Từ tháng 4 năm 2016, chị T đã về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, anh T và chị T đã không còn sống chung; vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Tòa án đã thông báo hai lần phiên hòa giải nhưng anh T vẫn không đến để Tòa án hòa giải hôn nhân của mình, thể hiện

anh T không mong muốn hòa giải về chung sống với nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của anh T và chị T về tình trạng hôn nhân của anh T và chị T (Bút lục 27).

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Việc chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T cho chị T được ly hôn với anh T.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh T thừa nhận, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn K1 – sinh ngày: 07/6/2014, Nguyễn K2 – sinh ngày 16/6/2015.

Xét yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung Nguyễn K1 và Nguyễn K2, hiện các con chung đang sống cùng chị T; chị T có nghề nghiệp, thu nhập và có nơi cư trú ổn định, đồng thời anh T đồng ý giao các con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy để ổn định đời sống con trẻ, đảm bảo cho các con trẻ có điều kiện tốt nhất phát triển về thể lực và trí lực, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Nguyễn K1 và Nguyễn K2 theo quy định tại các điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên giao 02 (hai) con chung là các cháu Nguyễn K1 và Nguyễn K2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về chia tài sản*: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/PL- UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009 của UBTVQH.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/PL- UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009 của UBTVQH.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Hữu T.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung cháu Nguyễn K1 – sinh ngày: 07/6/2014 và Nguyễn K2 – sinh ngày 16/6/2015 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí: 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 005898 ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn (chị T) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (anh T) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện T;
- VKS huyện T;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Phan Ngọc Thành